

PHỤ LỤC I:
KẾT QUẢ CỤ THỂ TRÊN CÁC MẶT CÔNG TÁC CỦA
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÝ I NĂM 2026

1. Công tác chỉ đạo và triển khai Nghị quyết của Chính phủ

Ngay từ đầu năm, Bộ đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP năm 2026 của Chính phủ¹. Theo đó, giao các cơ quan, đơn vị trực thuộc, các Sở NN&MT căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp có liên quan. Cùng với đó, Bộ đã phân công triển khai thực hiện 29 nhiệm vụ trọng tâm được Chính phủ giao và 16 nhiệm vụ bổ sung theo Chương trình công tác năm 2026. Các đơn vị thuộc Bộ đã nghiêm túc cụ thể hóa các chỉ tiêu thành kế hoạch hằng tháng, đảm bảo tính đồng bộ và xuyên suốt trong toàn hệ thống từ Trung ương đến địa phương.

Ngày 06/02/2026, Bộ đã tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết số 01/NQ-CP và số 02/NQ-CP năm 2026; quán triệt tới Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị trực thuộc Bộ về mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp của các Nghị quyết; phân công Lãnh đạo chỉ đạo, đơn vị đầu mối theo dõi, chủ trì, phối hợp, chịu trách nhiệm thực hiện; thời gian trình, cấp trình đối với từng nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết đã đề ra.

1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu chia thành 2 nhóm, gồm:

- **Có 07 chỉ tiêu giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP**, gồm: (1) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 1-1,5%; (2) Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới, tối thiểu 15%; (3) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn (95%); (4) Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn 62%; (5) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số (3%); (6) Tỷ lệ hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến (100%); (7) Hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập (khoảng 700 công trình).

- **Có 04 chỉ tiêu Bộ NN&MT bổ sung**, gồm: (1) Tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành 3,7%; (2) Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản 73-74 tỷ USD; (3) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định 42,02%; (4) Cả nước có 16.000 (chiếm 67.7%) HTX nông nghiệp xếp loại khá, tốt trên tổng số 23.600 HTX nông nghiệp.

1.2. Triển khai 29 nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP:

- **Hiện có 01 nhiệm vụ đã hoàn thành trước thời hạn**: Nhiệm vụ “Danh mục lưu vực sông liên quốc gia; danh mục lưu vực sông liên tỉnh” (thời gian trình: Tháng 4/2026): đã được ban hành tại Quyết định số 205/QĐ-TTg ngày 31/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

¹ Quyết định số 223/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- **Theo kế hoạch, trong Quý I năm 2026, Bộ NN&MT phải trình 06 nhiệm vụ:** Đối với những nhiệm vụ còn lại, Bộ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị tập trung triển khai thực hiện ngay từ những ngày đầu năm, bảo đảm trình theo đúng kế hoạch đề ra.

2. Kết quả xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong quý I năm 2026

Từ đầu năm 2026 đến nay, đã có **14** nghị định, **17** thông tư do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì soạn thảo được ban hành.

a) Về việc hoàn thiện, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc kế hoạch công tác năm 2025

Bộ đã hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành **14** văn bản thuộc kế hoạch công tác năm 2025 chuyển sang. Hiện vẫn còn **04** văn bản đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong năm 2025 chưa được ban hành.

b) Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc Chương trình công tác năm 2026

Căn cứ Chương trình công tác năm 2026 của Bộ, trong quý I Bộ phải hoàn thành **29** văn bản (gồm 11 nghị định, 02 quyết định, 16 thông tư). Đến nay, Bộ mới hoàn thành **17/29** văn bản (gồm 03 nghị định, 14 thông tư), đạt **58,6%** kế hoạch. Kết quả xây dựng văn bản của từng tháng trong quý I cụ thể như sau:

- Tháng 01/2026 có **08** văn bản phải hoàn thành, đã hoàn thành 08/08 văn bản.
- Tháng 02/2026 có **08** văn bản phải hoàn thành, đã hoàn thành 05/08 văn bản, còn nợ **03/08** văn bản².
- Tháng 3/2026 có **13** văn bản phải hoàn thành, đã hoàn thành **03/13** văn bản, xin lùi thời hạn trình **02/13** văn bản³, chưa hoàn thành **08/13** văn bản.

3. Tình hình quản lý nhà nước các lĩnh vực

Công tác thủy lợi được chú trọng đặc biệt để ứng phó với hạn hán và xâm nhập mặn, bảo vệ diện tích lúa Đông Xuân đang trong giai đoạn thu hoạch. Về thị trường, Bộ đã chủ động theo dõi sát sao các rào cản kỹ thuật, đồng thời đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nông sản chính ngạch sang các thị trường lớn như Trung Quốc và EU, giúp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu trong bối cảnh chính sách thuế quan Hoa Kỳ có nhiều biến động.

3.1. Sản xuất nông, lâm và thủy sản

Trong 3 tháng đầu năm 2026, sản xuất nông, lâm và thủy sản duy trì đà tăng trưởng ổn định ở tất cả các phân ngành. Điểm sáng lớn nhất nằm ở lĩnh vực Lâm nghiệp (trồng rừng mới) và Chăn nuôi (sản lượng thịt hơi), cùng với việc kiểm soát hiệu quả các ổ dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm.

a) *Trồng trọt:*

* Cây lúa: Vụ Đông Xuân 2025–2026 gieo sạ đạt 2.966.003 ha (tăng 0,6%).

² Đơn vị chủ trì: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Cục Biên và Hải đảo Việt Nam; Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương.

³ Đơn vị chủ trì: Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Trung tâm Khuyến nông quốc gia.

Tính đến hết tháng 3, đã thu hoạch 1,165 triệu ha; năng suất ước đạt 72,1 tạ/ha với sản lượng đạt hơn 8,4 triệu tấn.

* Rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày: Diện tích ngô (337,3 nghìn ha) và rau các loại (587,1 nghìn ha) tăng trưởng mạnh lần lượt là 4,1% và 6,5%. Các loại cây khác như khoai lang, lạc duy trì ở mức 97-98% so với cùng kỳ.

* Cây ăn quả: Sản lượng các cây chủ lực ước đạt 2.488 nghìn tấn. Các vùng trồng đang tập trung chăm sóc và thu hoạch rải rác tùy giai đoạn sinh trưởng.

b) Chăn nuôi:

* Sản lượng thịt: Ghi nhận sự bứt phá ở nhóm thịt lợn (1.462 nghìn tấn, tăng 7% so với cùng kỳ) và thịt gia cầm (687,2 nghìn tấn, tăng 8,5% so với cùng kỳ). Sản lượng thịt trâu và bò cũng tăng nhẹ từ 0,6% đến 2,3%.

* Công tác phòng chống dịch bệnh:

+ Dịch bệnh nguy hiểm được kiểm soát tốt, các ổ dịch chỉ xảy ra nhỏ lẻ tại hộ chăn nuôi thiếu điều kiện an toàn sinh học.

+ Dịch tả lợn Châu Phi: Ghi nhận 131 ổ dịch tại 22 tỉnh (nặng nhất tại Ninh Bình và Lâm Đồng).

+ Cúm gia cầm: Chỉ xảy ra 03 ổ dịch tại Ninh Bình. Các bệnh Lở mồm long móng và Tai xanh không phát sinh ổ dịch mới.

c) Thủy sản:

* Sản lượng thủy sản tháng 3/2026: Ước đạt 772,5 nghìn tấn, tăng 2,98% so với CKNT. Cụ thể, sản lượng cá đạt 1,502 nghìn tấn, tăng 2,7%; sản lượng tôm đạt 213,2 nghìn tấn, tăng 5,4%; thủy sản khác đạt 317,9 nghìn tấn, tăng 2,3%.

* Tổng sản lượng Quý I: Ước đạt 2,051 nghìn tấn, tăng 2,9%. Cụ thể, nuôi trồng ước 406,4 nghìn tấn, tăng 3,3 % (cá 312,6 nghìn tấn, tăng 3,3%; tôm 50,3 nghìn tấn, tăng 1,6%), khai thác 259,5 nghìn tấn, bằng 98% so với cùng kỳ năm trước (cá 198 nghìn tấn, giảm 2,1%; tôm 9,3 nghìn tấn, giảm 1,6%).

d) Lâm nghiệp

* Phát triển rừng: Diện tích trồng rừng mới tập trung đạt 55,7 nghìn ha (tăng 13,7%). Diện tích rừng được bảo vệ đạt 5.053 nghìn ha (tăng 3,3%).

* Khai thác lâm sản: Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.223,7 nghìn m³ (tăng 5,6%).

* Bảo vệ rừng và PCCC: Tình hình vi phạm giảm đáng kể, cụ thể:

+ Phá rừng: Xảy ra 96 vụ (giảm 32,39%), diện tích thiệt hại giảm 56,5%⁴.

+ Cháy rừng: Chỉ xảy ra 03 vụ (giảm mạnh 82,35%), diện tích bị tác động giảm hơn 67% so với cùng kỳ năm trước.

3.2. Tiêu thụ nông, lâm và thủy sản

⁴ Tập trung chủ yếu tại các tỉnh: Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Sơn La, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Đồng Nai....

a) Thị trường nước ngoài

* Xuất khẩu: Tổng kim ngạch Quý I/2026 ước đạt 16,09 tỷ USD (tăng 2,1% so với cùng kỳ); xuất siêu đạt 4,59 tỷ USD (tăng 4,6%). Riêng tháng 3 đạt 5,42 tỷ USD, giảm 11,3%.

+ Nhóm hàng: Nông sản đạt 8,6 tỷ USD (+0,3%); Thủy sản 2,52 tỷ USD (+9,1%); Lâm sản 3,97 tỷ USD (-5,6%); Chăn nuôi tăng mạnh 54,3%.

+ Mặt hàng chủ lực: Rau quả tăng 27,1%; Sản và sản phẩm sản tăng 20,7%. Ngược lại, gạo giảm 12,2% về giá trị; cà phê giảm 9,7%; gỗ và sản phẩm gỗ giảm 6,7%.

+ Giá xuất khẩu: Hầu hết các mặt hàng chủ lực (gạo, cà phê, cao su, hạt điều, hồ tiêu) đều có xu hướng giảm giá bình quân từ 0,8% đến 16,8%⁵.

+ Thị trường: Trung Quốc (chiếm 22,1% thị phần, giá trị xuất khẩu tăng 32,7%), Hoa Kỳ (chiếm 20,7% thị phần, giá trị xuất khẩu giảm 8,6%), Nhật Bản (chiếm 16,2% thị phần, giá trị xuất khẩu giảm 2,1%).

* Nhập khẩu: Quý I/2026 ước đạt 11,5 tỷ USD (tăng nhẹ 0,05%). Trong đó, nông sản tăng 3,8%, lâm sản tăng 9,7%, riêng đầu vào sản xuất giảm mạnh 20,6%.

b) Thị trường trong nước

Trong tháng 3 và quý I/2026, giá cả hàng hóa nông sản thiết yếu tương đối ổn định, nguồn cung dồi dào, cụ thể:

- Lúa gạo: Giá lúa có xu hướng giảm trong Quý I; tại ĐBSCL giá lúa tươi giảm từ 250 - 850 đồng/kg tùy loại⁶.

- Chăn nuôi: Giá lợn hơi biến động tăng trong tháng 1 nhưng giảm liên tiếp trong tháng 2 và tháng 3 ở cả 3 miền do nhu cầu tiêu thụ thấp⁷.

- Thủy sản: Giá tôm thẻ chân trắng giảm mạnh trong tháng 3 (loại 20 con/kg giảm 10.000 đồng/kg); ngược lại giá cá tra nguyên liệu và cá giống tăng nhẹ.

- Rau quả: Giá rau củ giảm nhẹ⁸. Trái cây có sự phân hóa: giá sầu riêng (Ri6, Moongthong) tăng mạnh nhờ nhu cầu xuất khẩu; trong khi xoài và thanh long giảm giá do vào mùa vụ⁹.

c) Đàm phán, mở cửa thị trường

- Lĩnh vực trồng trọt: Tiếp tục đàm phán xuất khẩu quả tươi sang Trung

⁵ Cà phê 4.702 USD/tấn, giảm 16,8%; cao su 1.824 USD/tấn, giảm 5,3%; gạo 479,3 USD/tấn, giảm 8,2%; hạt điều 6.815 USD/tấn, giảm 0,8%; hồ tiêu 6.467 USD/tấn, giảm 5,8%. Một số mặt hàng vẫn duy trì mức giá tăng như sản và sản phẩm từ sản 339,5 USD/tấn, tăng 10,3%; chè 1.706,8 USD/tấn tăng 6,5%.

⁶ IR 50404 ở mức 13.800 đồng/kg; gạo IR 64 ở mức 14.500 đồng/kg, Nàng thơm ở mức 20.000 đồng/kg, giá lúa tươi giảm (lúa IR 50404 giảm 250 đồng/kg; lúa OM 5451 giảm 450 đồng; lúa Đài thơm 8 và OM18 cùng giảm 850 đồng/kg).

⁷ Miền Bắc giảm 8.000 đồng/kg, miền Trung – Tây Nguyên giảm 7.700 đồng/kg, miền Nam giảm 5.200 đồng/kg.

⁸ Giá rau xà lách, rau diếp giảm 2.190 đồng/kg, rau mùi, tía tô giảm từ 1.300 – 1.400 đồng/kg, các loại củ như bí đỏ, bí đao, khoai tây mức giảm từ 200 – 3.000 đồng/kg tùy loại.

⁹ Giá xoài thu mua tại vườn khoảng 60.000 đồng/kg, giảm 1.667 đồng/kg, giá xoài cát chu có xu hướng tăng hiện ở mức 32.000 đồng/kg, tăng 1.500 đồng/kg; giá sầu riêng Ri6 loại 1 ở mức 77.333 đồng/kg, tăng 13.167 đồng/kg; sầu riêng Moongthong loại 1 ở mức 134.167 đồng/kg, tăng 36.167 đồng/kg; giá thanh long ruột trắng loại 1 đạt 19.000 đồng/kg, giảm 6.333 đồng/kg; thanh long ruột đỏ loại 1 đạt 23.500 đồng/kg, giảm 5.167 đồng/kg

Quốc, Hoa Kỳ, Úc, Nhật Bản và Malaysia. Duy trì 9.357 mã số vùng trồng và 1.381 mã số cơ sở đóng gói.

- Lĩnh vực thủy sản: Làm việc với đoàn thanh tra Hoa Kỳ (FSIS) và Ủy ban Châu Âu (EC) về ATTP và IUU; cập nhật danh sách cơ sở đủ điều kiện xuất khẩu sang các thị trường lớn (EU, Hàn Quốc, Trung Quốc...).

- Lĩnh vực chăn nuôi: Đẩy mạnh xử lý kỹ thuật mở cửa thị trường cho sữa, thịt, trứng gia cầm, tổ yến sang các thị trường tiềm năng như Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Anh.

d) Hỗ trợ tiêu thụ, ổn định giá

- Phối hợp với Bộ Công Thương theo dõi nguồn cung, biến động giá cả và điều hành cung cầu thóc gạo; tham mưu trình Chính phủ ban hành Công điện 21/CĐ-TTg ngày 11/3/2026 về việc điều hành sản xuất và tiêu thụ lúa gạo trong tình hình mới.

- Chủ động tổ chức Hội nghị về tăng trưởng ngành trước tác động của xung đột Trung Đông; gửi thư ngỏ kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp hỗ trợ người sản xuất.

- Tổ chức đoàn công tác thúc đẩy hợp tác nông sản tại thị trường Bắc Mỹ (Canada và Mexico) từ ngày 23/3/2026 đến ngày 04/4/2026.

3.3. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai

a) Triển khai lấy nước sản xuất:

Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác lấy nước phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2025-2026 cho khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ qua 02 đợt (theo Công điện số 01/CĐ-TL-VHTT và Công điện số 03/CĐ-TL-VHTT).

b) Tình hình thiên tai:

Trong 20 ngày đầu tháng 01/2026, cả nước ghi nhận 04 loại hình thiên tai phức tạp:

- Rét hại tại khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
- Gió mạnh, sóng lớn trên biển Đông.
- Triều cường tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).
- Động đất xảy ra tại các tỉnh: Lạng Sơn, Điện Biên, Đà Nẵng và Quảng Ngãi.

c) Công tác chỉ đạo, điều hành:

- Tổng kết và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả lấy nước phục vụ lúa vụ Đông Xuân tại khu vực phía Bắc.

- Triển khai nghiêm túc Công điện số 15/CĐ-TTg ngày 20/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ứng phó xâm nhập mặn (ĐBSCL) và hạn hán, cháy rừng (Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ).

- Chỉ đạo các địa phương và đơn vị quản lý thủy lợi vùng ĐBSCL, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ thực hiện các giải pháp cấp bách bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh.

3.4. Quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm

a) Tham mưu ban hành cơ chế, chính sách pháp luật:

- Ban hành Quyết định số 697/QĐ-BNNMT ngày 27/02/2026 về Kế hoạch hành động ATTP và phát triển thị trường năm 2026.

- Đang hoàn thiện sửa đổi các Thông tư số 31/2015/TT-BNN, Thông tư số 33/2015/TT-BNN, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT¹⁰; xây dựng mới Thông tư Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Thông tư Quy định về mức giới hạn ATTP đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹¹.

- Đề xuất sửa đổi Nghị định 46/2026/NĐ-CP và Nghị quyết 66.13/2026/NQ-CP và văn bản hướng dẫn UBND các tỉnh/thành phố về triển khai các Nghị định này về kiểm nghiệm ATTP và kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nông lâm thủy sản nhập khẩu.

b) Thông tin, truyền thông:

- Quý I/2026 tổ chức 649 hội nghị, hội thảo với hơn 20.761 lượt người tham gia; phát hành hơn 81.302 ấn phẩm (băng rôn, áp phích, sổ tay...) và 735 lượt bản tin, 8.1302 băng rôn, khẩu hiệu, áp phích, tờ gấp, tờ rơi, sổ tay, tài liệu...

c) Triển khai các chương trình phối hợp: (i) Giữa Chính phủ và Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam); (ii) Chương trình phối hợp các tỉnh, thành phố kiểm soát nguồn cung đảm bảo chất lượng, ATTP, gia tăng chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản giai đoạn 2026-2030; (iii) Chương trình hợp tác Chiến lược ngành về An toàn thực phẩm trong chuỗi giá trị (SSC) với Đan Mạch.

d) Kết quả giám sát và chứng nhận:

- Tỷ lệ mẫu đạt yêu cầu: Tháng 3 đạt 93,3%; lũy kế Quý I đạt 98,2%.

- Tỷ lệ cơ sở đủ điều kiện ATTP: Tháng 3 đạt 95,3%; lũy kế Quý I đạt 93,6%.

- Cơ sở sản xuất kinh doanh NLTS ký Cam kết tuân thủ: Hết Quý I đạt 95% cơ sở ký cam kết (tăng so với mức 93% cùng kỳ 2025).

đ) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm:

- Trong tháng 3: Kiểm tra 172 cơ sở, xử phạt 02 cơ sở với số tiền 100 triệu đồng (tỷ lệ vi phạm 1,1%).

- Lũy kế Quý I: Kiểm tra 870 cơ sở, xử phạt 80 cơ sở (chiếm 9,1%) với tổng số tiền phạt đạt 1.413,7 triệu đồng.

3.5. Quản lý, sử dụng nguồn lực tài nguyên

a) Quản lý đất đai

¹⁰ Quyết định số 30/QĐ-CCPT, 40/QĐ-CCPT, 41/QĐ-CCPT ngày 13/3/2026.

¹¹ Quyết định số 35/QĐ-CCPT-CL ngày 06/3/2026.

- Tham mưu ban hành cơ chế, chính sách pháp luật: (1) Nghiên cứu, rà soát toàn diện và đề xuất định hướng sửa đổi Luật Đất đai theo hướng đổi mới tư duy lập pháp; (2) trình Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; (3) tiếp tục tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; (4) tiếp tục triển khai xây dựng Thông tư Quy định kỹ thuật thực hiện lồng ghép công tác đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; (5) ban hành Quyết định số 441/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 về việc công bố và hướng dẫn kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thay thế thành phần hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Tiếp tục tập trung triển khai hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên phạm vi toàn quốc; kiểm kê, thống kê đất đai, điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo và phục hồi đất đai; phân loại đất, xác định loại đất; quản lý nhà nước về giá đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Quản lý tài nguyên nước

- Tuyên truyền, tập huấn phổ biến Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn; tổ chức rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về tài nguyên nước; Rà soát, hoàn thiện văn bản pháp luật về tài nguyên nước và các căn bản liên quan: trình Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước; ban hành Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT ngày 17/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước; Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Luật Tài nguyên nước.

- Ban hành 02 kịch bản nguồn nước mùa cạn năm 2025-2026 và 06 kịch bản nguồn nước mùa cạn năm 2026 phục vụ công tác điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, an ninh lương thực, an ninh năng lượng và các nhu cầu thiết yếu khác của người dân; làm căn cứ để các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên lưu vực sông, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành công trình khai thác, sử dụng nước xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

c) Địa chất và khoáng sản

- Công tác xây dựng Văn bản QPPL: (1) Rà soát, hoàn thiện hồ sơ dự thảo “Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản” theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (2) Chính phủ đã phê duyệt ban hành Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản. Trong Quý I, Bộ ban hành 02 Thông tư, 02 văn bản hợp nhất¹²; đang triển khai thực hiện 13 Thông tư¹³; (3) Thành lập Hội đồng thẩm định Điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát, tổng hợp, lấy ý kiến góp ý đối với Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng; Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Công tác quản lý cấp phép khoáng sản: Bộ NN&MT ban hành Quyết định số 802/QĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 thành lập Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; ban hành 01 Giấy phép khai thác khoáng sản; 01 Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản¹⁴; ban hành 02 Quyết định phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; 01 Quyết định phê duyệt danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản¹⁵.

- Công tác kinh tế khoáng sản: Ban hành Quyết định số 520/QĐ-BNNMT ngày 10/02/2026 về việc thành lập Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả. Hoàn thiện 07 Báo cáo xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do Nhà nước đã đầu tư tại khu vực¹⁶.

- Công tác tham mưu đảm bảo cung ứng đủ vật liệu xây dựng phục vụ các công trình giao thông trọng điểm: Ban hành các văn bản gửi địa phương về triển khai các cơ chế, chính sách nhằm tăng nguồn cung vật liệu xây dựng thông thường phục vụ các công trình, dự án trọng điểm; Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Trần

¹² Các Thông tư: (1) số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; (2) số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025. Các văn bản hợp nhất: (1) 20/VBHN-BNNMT ngày 13/02/2026; (2) 21/VBHN-BNNMT ngày 23/02/2026.

¹³ Đang trình thẩm định 02 Thông tư: (1) Thông tư Quy định kỹ thuật bay đo từ, phổ gamma trong hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản; (2) Thông tư Quy định kỹ thuật công tác đo địa chấn phản xạ đa kênh trên biển trong hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản”.

02 Thông tư đã lấy ý kiến Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác lập bản đồ hiện trạng, bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do sụt lở đất, lũ quét tỷ lệ 1:10.000 và tỷ lệ lớn hơn; (2) Thông tư ban hành Quy định kỹ thuật công tác điều tra, lập bản đồ địa chất công trình.

01 Thông tư đang rà soát hoàn thiện

¹⁴ Giấy phép số 86/GP-BNNMT ngày 09/3/2026.

Quyết định số 639/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản.

¹⁵ Quyết định số 35/QĐ-BNNMT ngày 07/01/2026 Về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 46/QĐ-BNNMT ngày 08/01/2026 Về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ tỉnh Phú Thọ.

Quyết định số 758/QĐ- BNNMT ngày 07/3/2026 phê duyệt danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Đợt 1) thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

¹⁶ (1) Quặng mangan khu vực xã Đồng Tâm, tỉnh Tuyên Quang; (2) Than tại khu vực Bắc Vàng Danh - mỏ Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh; (3) Than tại mỏ Ngã Hai thuộc phường Mông Dương và phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh; (4) Than tại khu vực Đồng Vông - Uông Thượng thuộc phường Vàng Danh và xã Quảng La, tỉnh Quảng Ninh; (5) Dự án đầu tư khai thác mỏ than Bắc Cọc Sáu, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; (6) Đồng Sin Quyền thuộc xã Bát Xát và xã Trịnh Tường, tỉnh Lào Cai; (7) Dự án mở rộng nâng công suất mỏ than Núi Hồng thuộc các xã Phú Xuyên và Phú Thịnh, tỉnh Thái Nguyên.

Hồng Hà về tình hình cung cấp vật liệu cho các dự án phục vụ Hội nghị APEC 2027.

d) Quản lý tài nguyên biển và hải đảo

- Về xây dựng văn bản QPPL: (1) Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi): đã xây dựng hồ sơ, lấy ý kiến các tổ chức, cơ quan, cá nhân, tổ chức Hội nghị tham vấn, hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định; (2) Tiếp tục triển khai xây dựng, hoàn thiện các Nghị định, Thông tư lĩnh vực biển và hải đảo

- Về điều tra cơ bản biển và hải đảo: ban hành Văn bản hợp nhất số 25 ngày 27/2/2026 Nghị định Quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam; Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Báo cáo số 34/BC-BNNMT ngày 06/01/2026)

- Về khai thác biển và hải đảo: Tiếp tục triển khai công tác giao khu vực biển. Trong Quý I/2026, đã tiếp nhận **13** hồ sơ đề nghị giao khu vực biển¹⁷ và giải quyết hồ sơ đề nghị giao khu vực biển; đẩy mạnh việc triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Trong đó tập trung ưu tiên triển khai Dự án “Điều tra, đánh giá và xác định các khu vực ưu tiên cho phát triển điện gió ngoài khơi trên cơ sở các khu vực tiềm năng phát triển điện gió đã được xác định trong Quy hoạch không gian biển quốc gia”, với nguồn kinh phí từ Ngân hàng Thế giới.

- Về kiểm soát tài nguyên, môi trường biển và hải đảo: Trong tháng 01 năm 2026, đã tiếp nhận 04 đề nghị cấp phép nhận chìm ở biển¹⁸; tiếp tục giải quyết, hướng dẫn các hồ sơ liên thông TTHC đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

3.6. Lĩnh vực môi trường

- Tập trung xây dựng VPQPPL: Hoàn thành trình CP ban hành 01 Nghị định¹⁹ và 01 Thông tư^{20 11}; tiếp tục triển khai xây dựng 06 văn bản QPPL được giao theo kế hoạch.

- Trả lời vướng mắc, kiến nghị của Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp: Trong quý 1/2026, đã nhận **30** phản ánh kiến nghị²¹, trong đó **25** phản ánh kiến nghị đã được trả lời²², **05** phản ánh kiến nghị trong hạn trả lời, không có phản ánh kiến nghị quá hạn.

- Tổ chức các đoàn kiểm tra chuyên đề chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2026: (1) Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công

¹⁷ Công ty cổ phần TGS Trà Vinh Green đề nghị giao khu vực biển xã Đông Hải, tỉnh Trà Vinh; Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam đề nghị giao khu vực biển Nam Trung Bộ (Phường Phan Rang, Khánh Hòa) và giao khu vực biển Nam Trung Bộ (Phường Lagi, tỉnh Lâm Đồng).

¹⁸ Đề nghị cấp phép nhận chìm ở biển Dự án Nhận chìm ở biển - Cửa Hội - Bến Thủy; ...

¹⁹ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026

²⁰ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026

¹² 09 phản ánh kiến nghị trên cổng TTCP; 04 phản ánh kiến nghị trên cổng DVC quốc gia; 15 phản ánh kiến nghị trên cổng thông tin điện tử Bộ NN&MT; 02 phản ánh kiến nghị trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

²² 11 phản ánh kiến nghị trên cổng thông tin điện tử của Bộ NN&MT; 09 phản ánh kiến nghị trên cổng TTCP; 03 phản ánh kiến nghị trên cổng DVC quốc gia; 02 phản ánh kiến nghị trên cổng thông tin của Bộ Tư pháp.

nghiệp và chất thải nguy hại; (2) Các cơ sở thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có hoạt động xả khí thải với lưu lượng lớn (trên 50.000 m³/h) ra môi trường hoặc xả nước thải với lưu lượng lớn (lưu lượng trên 200 m³/ngày đêm) ra lưu vực sông liên tỉnh; (3) Các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; (4) Các dự án đầu tư trong giai đoạn triển khai thi công sau khi được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; (5) Kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra đột xuất việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định khi có dấu hiệu vi phạm hoặc Bộ trưởng giao; (6) Kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và công tác thẩm định, cấp giấy phép môi trường.

3.7. Lĩnh vực khí tượng thủy văn, quản lý đê điều và phòng chống thiên tai

- Chỉ đạo các đơn vị làm công tác dự báo KTTV thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình KTTV trên phạm vi cả nước, dự báo chi tiết đến cấp xã. Trong 03 tháng đầu năm, đã chỉ đạo các đơn vị phát hành bản tin dự báo kịp thời: 08 đợt không khí lạnh, 02 đợt rét đậm rét hại, 01 đợt nắng nóng; 13 trận mưa đá xảy ra tại các tỉnh: Sơn La, Phú Thọ, Lào Cai, Cao Bằng, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ninh, Tuyên Quang và Hà Nội; 02 đợt lũ quét sạt lở đất (Quảng Ngãi, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La).

- Chỉ đạo thực hiện Công điện số 15/CĐ-TTg ngày 20/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ động ứng phó với xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long và hạn hán, cháy rừng ở khu vực Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

- Đề nghị các bộ, ngành, địa phương: Báo cáo về việc thực hiện quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước và việc thực hiện quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

- Cung cấp thông tin dự báo thời tiết phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031 gửi Văn phòng TW Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội và các cơ quan báo chí liên quan. Đồng thời cung cấp thông tin dự báo thời tiết phục vụ và cung cấp thông tin, số liệu địa hình phục vụ rà soát quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông liên tỉnh; đặc điểm KTTV khu vực Cô Tô, Cù Lao Chàm, Cù Lao Xanh gửi Bộ Tham mưu Cảnh sát biển Việt Nam; thông tin số liệu KTTV cho Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Về ứng phó với thiên tai: Từ đầu năm đến 31/3/2026, đã xảy ra 07 loại hình thiên tai đã xảy ra trên các vùng miền trên cả nước (gió mạnh trên biển, rét hại, sạt lở bờ sông, lở đất, mưa đá, xâm nhập mặn, động đất)²³. Trước tình hình đó, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành 09 văn

²³ Thiên tai đã làm 06 người chết, 14 người bị thương. Tổng thiệt hại về kinh tế ước tính: 248,03 tỷ đồng (186 nhà sập đổ, 9.572 nhà hư hỏng, tóc mái; 2.870 ha lúa, hoa màu, cây trồng bị ngập, thiệt hại; 03 tàu cá bị chìm; 130m kênh mương, bờ sông bị sạt lở).

bản chỉ đạo ứng phó gió mạnh trên biển, rét hại, xâm nhập mặn, cháy rừng²⁴; 01 văn bản chỉ đạo ứng phó thiên tai trong thời gian diễn ra bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Về phòng ngừa và khắc phục hậu quả thiên tai: Hướng dẫn các địa phương đánh giá hiện trạng hệ thống đê điều và xây dựng phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm năm 2026; Tiếp tục thẩm định các quy hoạch: Quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê hệ thống sông Đáy, sông Hoàng Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Tổ chức Hội nghị toàn quốc về công tác phòng, chống thiên tai năm 2026.

3.8. Lĩnh vực biến đổi khí hậu

- Công tác xây dựng VBQPPL: (1) Ban hành Thông tư số 11/2026/TT-BNNMT ngày 13/02/2026 quy định quản lý, vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; (2) Hoàn thiện Báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; (3) Tiếp tục hoàn thiện xây dựng các văn bản theo tiến độ (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ; Quyết định ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; Quyết định ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia; ...)

- Phê duyệt Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026; Xây dựng phương án kiểm tra việc chấp hành pháp luật năm 2026 tại Quảng Ninh và Lâm Đồng.

3.9. Đo đạc, Bản đồ

- Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ²⁵; phối hợp với các địa phương rà soát, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động đo đạc và bản đồ, việc duy trì các điều kiện theo quy định để được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, báo cáo việc thay đổi người phụ trách kỹ thuật

²⁴ Các Văn bản: số 01/BCĐ-BNNMT ngày 15/01/2026 về việc chủ động ứng phó với rét đậm, rét hại và gió mạnh trên biển; số 02/BCĐ-BNNMT ngày 19/01/2026 về việc chủ động ứng phó với rét đậm, rét hại và gió mạnh trên biển; số 03/BCĐ-BNNMT ngày 04/02/2026 về việc chủ động ứng phó với gió mạnh trên biển; số 04/BCĐ-BNNMT ngày 06/02/2026 v/v chủ động ứng phó với rét đậm, rét hại; số 05/BCĐ-BNNMT ngày 14/02/2026 của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia về việc chủ động ứng phó với rét đậm, gió mạnh trên biển và các tình huống thiên tai trong dịp Tết Nguyên đán; số 06/BCĐ-BNNMT ngày 02/3/2026 của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia về việc chủ động ứng phó không khí lạnh, lốc, sét, mưa đá và gió mạnh trên biển; số 07/BCĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia về việc chủ động ứng phó thiên tai trong thời gian diễn ra bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; số 08/BCĐ-BNNMT ngày 31/3/2026 của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia về việc chủ động ứng phó với dông, lốc, sét, mưa đá trong thời kỳ chuyển mùa; số 1643/BNNMT-TL ngày 23/02/2026 về việc tổ chức thực hiện Công điện số 15/CĐ-TTg ngày 20/2/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

²⁵ Thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động đo đạc và bản đồ đối với Công ty cổ phần Công nghệ Nguyễn Kim và kiểm tra việc duy trì các điều kiện theo quy định để được cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam

đôi với các tổ chức trên địa bàn quản lý.

- Tiếp tục triển khai các dự án: Đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:50.000 khu vực thềm lục địa từ Ninh Thuận đến Kiên Giang phục vụ nhiệm vụ quản lý biển của các Bộ, ngành, địa phương liên quan (2015 - 2026); Xây dựng bộ bản đồ chuẩn và cơ sở dữ liệu bản đồ biên giới quốc gia Việt Nam - Campuchia (2026-2027); Xây dựng, cập nhật, công bố cơ sở dữ liệu địa danh (2026-2027); Hoàn thiện mạng lưới trạm định vị toàn cầu bằng vệ tinh trên lãnh thổ Việt Nam - Giai đoạn 2; Xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh hàng không và xây dựng cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bản đồ địa hình quốc gia; Hoàn thiện mạng lưới độ cao quốc gia hạng III toàn quốc phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.10. Viễn thám

- Xây dựng Nghị định về hoạt động viễn thám (thay thế Nghị định số 03/2019/NĐ-CP) trong đó bổ sung các quy định về quản lý, ứng dụng viễn thám tầm thấp, xây dựng cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, phát triển ứng dụng viễn thám; vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám từ vệ tinh Spot6, vệ tinh VNREDSat-1, vệ tinh Kompsat-3A cung cấp dữ liệu viễn thám phục vụ quản lý nhà nước các lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và đáp ứng nhu cầu xã hội khác.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám phục vụ công tác quản lý nhà nước và triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn; Đề xuất kế hoạch kiểm tra năm 2026, trong đó tập trung: Kiểm tra công tác quản lý nhà nước về viễn thám ở địa phương, công tác ban hành và tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật về viễn thám; Kiểm tra công tác xây dựng nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương định kỳ hàng năm, gửi Bộ để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận; Kiểm tra công tác thực hiện và thẩm định các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám về ứng dụng viễn thám trong điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát nông nghiệp, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, công tác tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển viễn thám quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 của địa phương.

4. Công tác kế hoạch, quản lý tài chính và đầu tư công

Bộ đã ban hành Quyết định số 5819/QĐ-BNNMT ngày 30/12/2025 để phân bổ sớm 100% kế hoạch đầu tư công năm 2026 với tổng số vốn là 6.699.528 triệu đồng. Trong đó, vốn trong nước đạt 5.555.796 triệu đồng và vốn nước ngoài (ODA) là 1.143.732 triệu đồng. Trong quý I, các chủ đầu tư đã nỗ lực tranh thủ điều kiện thời tiết mùa khô thuận lợi tại các khu vực trọng điểm để triển khai thi công, tập trung vào các công trình hạ tầng thủy lợi, đề điều xung yếu và các dự án chuyển đổi số ngành nông nghiệp.

- **Tình hình phân bổ:** Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2026 Bộ Nông nghiệp và Môi trường được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 là 6.699,528 tỷ đồng, gồm vốn trong nước 5.555,796 tỷ đồng, vốn ODA 1.143,732 tỷ đồng.

- **Giải ngân đến ngày 19/3/2026:** Theo báo cáo của Bộ Tài chính đến ngày 19/3/2026, các dự án của Bộ đã giải ngân 239,8 tỷ đồng, **đạt 3,58% kế hoạch** (chủ yếu là các dự án thủy lợi và lâm nghiệp). **Tỷ lệ giải ngân trung bình cả nước là 5,6%, trong đó vốn NSTW là 2,9% và NSDP 7%.**

Như vậy, tỷ lệ giải ngân của Bộ tuy thấp hơn trung bình cả nước nhưng **cao hơn tỷ lệ giải ngân vốn NSTW; do vậy Bộ xếp thứ 8/35 về tỷ lệ giải ngân từ cao xuống thấp trong các Bộ ngành TW.**

Nguyên nhân giải ngân chậm do: (i) các chủ đầu tư trong tháng 1/2026 tập trung giải ngân KH 2025 và tháng 2 trùng với thời gian nghỉ Tết. (ii) Kế hoạch vốn năm 2026 giao tập trung các dự án hoàn thành trong năm 2026 nên có nhiều dự án đang tập trung hoàn thiện thủ tục hồ sơ dự án, khối lượng giải ngân thường tập trung vào các tháng cuối năm; (iii) Một số DA vướng mắc về đền bù GPMB²⁶, nguồn vật liệu xây dựng²⁷, thủ tục đầu tư²⁸.

Tình hình phân bổ dự toán NSNN năm 2026: Bộ NN&MT được giao dự toán chi thường xuyên tại các Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03/12/2025 và số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

a) Phân dự toán thu:

- Tổng số thu phí, lệ phí: 425.023 triệu đồng;
- Tổng số phí, lệ phí nộp NSNN: 318.645 triệu đồng;
- Số chi từ nguồn phí được để lại: 106.378 triệu đồng.

b) Phân dự toán chi: Dự toán được giao: 9.712.308 triệu đồng, trong đó: (1) Vốn nước ngoài: 1.201.330 triệu đồng; (2) Vốn trong nước: 8.510.978 triệu đồng, bao gồm:

Bộ đã giao dự toán NSNN năm 2026 cho các đơn vị, cụ thể:

a) Đợt 1 (Quyết định 5818 ngày 30/12/2025): (i) Dự toán thu: phân bổ 100% dự toán được giao; (ii) Dự toán chi: phân bổ 8.918.603 triệu đồng (91,83% dự toán được giao).

b) Đợt 2 (Quyết định số 336 ngày 27/01/2026): phân bổ 63.011 triệu đồng.

Dự toán còn lại chưa phân bổ sau 02 đợt: 730.694 triệu đồng, bao gồm: (i) Chi viện trợ: 155.495 triệu đồng; (ii) Chi thường xuyên (vốn trong nước; không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia): 462.028 triệu đồng; (iii) Chi thường xuyên (vốn nước ngoài; không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia): 113.171 triệu đồng. Hiện nay, Vụ đang trình phân bổ nốt số

²⁶ Dự án Tiêu úng vùng 3, huyện Nông Cống; Dự án Hồ Krông Pach thượng GD2; Dự án Hệ thống kênh mương hồ EaHleo 1; Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Kỳ Cùng; Dự án Hệ thống kênh mương hồ Đa Lây, Đa Sĩ;

²⁷ Dự án Đầu tư nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi 8 xã miền núi phía Đông Bắc huyện Nho Quan; Dự án Tiêu úng vùng 3, huyện Nông Cống

²⁸ Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán; Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu (ADB.9); Dự án Xây dựng hệ thống quan trắc giám sát hồ chứa thủy điện sông Hồng - Thái Bình (ODA Italy); Dự án Liên đoàn Vật lý Địa chất

còn lại và thuyết minh, điều chỉnh dự toán theo ý kiến kiểm tra phân bổ của Bộ Tài chính (hoàn thành trong tháng 3/2026).

Công tác quyết toán: Đối với nhiệm vụ quyết toán NSNN thường xuyên 2025: hiện nay, Vụ đang triển khai công tác xét duyệt quyết toán các đơn vị trực thuộc Bộ theo đúng kế hoạch được ban hành tại Công văn số 1233/BNNMT-KHTC ngày 05/2/2026.

5. Công tác hợp tác quốc tế

a) Tổ chức đoàn ra, đoàn vào

Ở cấp Bộ, đã chuẩn bị và tổ chức các đoàn công tác của Lãnh đạo Bộ đi Anh, Nga; tham gia các đoàn công tác cấp cao đi Campuchia, Lào; chuẩn bị nội dung cho đoàn Lãnh đạo Bộ tham dự Hội nghị tham vấn khu vực lần thứ nhất về Dự thảo Kế hoạch chiến lược ASEAN về môi trường tại Indonesia; chuẩn bị nội dung để Lãnh đạo Bộ tham gia tháp tùng Đoàn Tổng Bí thư đi Hoa Kỳ; chuẩn bị chương trình, nội dung cho đoàn công tác của Lãnh đạo Bộ đi Na Uy, Đức trong lĩnh vực môi trường; phối hợp tổ chức đoàn Lãnh đạo Bộ đi Canada, Mexico, tham gia đoàn công tác cấp cao đi Trung Quốc; chuẩn bị cho Đoàn Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa đi công tác tại Lào theo kế hoạch.

Chủ động tham mưu, xử lý thủ tục, chuẩn bị nội dung cho các đoàn tham dự hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo quốc tế; chuẩn bị thủ tục cho đoàn công tác làm việc với Hoa Kỳ về đánh giá tương đương trong thực thi Đạo luật Bảo tồn thú biển Hoa Kỳ (U.S. MMPA) của Cục Thủy sản và Kiểm ngư; tham gia đoàn công tác chuyên môn của Viện Quy hoạch Thủy lợi đi Trung Quốc trao đổi kỹ thuật; trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt chủ trương tổ chức 03 đoàn công tác tham dự các hội nghị, cuộc họp khu vực ASEAN+3 về SCP, tham vấn ASPEN lần thứ hai và cuộc họp PSC của TAF-GTEI tại Philippines, Indonesia; trình phê duyệt chủ trương tổ chức đoàn tham dự khóa đào tạo “Tạo thuận lợi thương mại kỹ thuật số cho chuỗi giá trị nông nghiệp”.

Thực hiện nghiêm túc công tác lễ tân, hậu cần phục vụ Lãnh đạo Bộ tiếp, làm việc với nhiều đoàn quốc tế, đối tác nước ngoài và cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam. Trong đó có các đoàn, đối tác như: Đại sứ Hàn Quốc, Đại sứ Uganda, các Đại sứ và Trưởng cơ quan đại diện của Úc, New Zealand, Ấn Độ, Philippines, Indonesia, Trung Quốc; Đoàn Đặc phái viên của Đảng, Chính phủ Cuba; Đoàn Thứ trưởng Nông nghiệp Hoa Kỳ; Đoàn Bộ trưởng Nông nghiệp bang Ohio (Hoa Kỳ); Đoàn Phó Chủ tịch Quảng Tây; Đại sứ Bangladesh tại Việt Nam; Cao ủy phụ trách đối tác quốc tế của Liên minh châu Âu (EU); cùng các đoàn, đối tác cấp cao của Hàn Quốc và Indonesia.

Đồng thời, phối hợp tổ chức Lễ trao Hiệp định tài chính cho dự án do Liên minh châu Âu tài trợ thông qua GIZ; chuẩn bị nội dung tiếp Đoàn KfW và tổ chức Lễ ký Thỏa thuận viện trợ dự án “Giảm buôn bán, săn bắt động vật hoang dã nhằm ngăn chặn bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người”.

b) Đàm phán, ký kết, thực hiện điều ước quốc tế/thỏa thuận quốc tế

Đối với các tiến trình đàm phán thương mại và cơ chế đa phương, hợp Ủy ban Thương mại và Phát triển bền vững trong khuôn khổ EVFTA tại Bỉ; chuẩn bị phương án kết thúc đàm phán FTA Việt Nam - EFTA, đồng thời chuẩn bị tham dự Phiên đàm phán lần thứ 19; tham gia đàm phán Thỏa thuận thương mại ưu đãi Việt Nam - Pakistan; xây dựng phương án đối với việc Costa Rica gia nhập CPTPP; tham gia SOM1 CPTPP năm 2026; xây dựng phương án đàm phán các FTA ASEAN - Ấn Độ, ASEAN - Canada; tham dự đàm phán trực tuyến với USTR và chuẩn bị nội dung cho Phiên đàm phán riêng về nông nghiệp và Phiên đàm phán thứ 6 Hiệp định thương mại đối ứng Việt Nam - Hoa Kỳ; xây dựng phương án, chuẩn bị nội dung đàm phán nông nghiệp tại WTO và chuẩn bị cho Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ 14; trực tiếp tham gia Rà soát chính sách thương mại của Việt Nam trong khuôn khổ WTO và phối hợp trả lời các câu hỏi bổ sung sau phiên đầu tiên năm 2026.

Đối với các cơ chế hợp tác và thỏa thuận song phương, Bộ tiếp tục trao đổi với phía EU về khả năng hình thành cơ chế hợp tác trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu; chuẩn bị nội dung cho Đối thoại chính sách môi trường Việt Nam - Nhật Bản và Đối thoại nông nghiệp Việt Nam - ACIAR giai đoạn 2026-2030; nghiên cứu phương án tổ chức các hội nghị trong khuôn khổ hợp tác Mê Công - Lan Thương. Vụ cũng phối hợp, chuẩn bị và thúc đẩy các nội dung hợp tác với UAE, Ả-rập Xê-út, Trung Quốc, Hàn Quốc, Palau; hướng dẫn các đơn vị triển khai các Bản ghi nhớ hợp tác với Trung Quốc; chuẩn bị nội dung Hội nghị Bộ trưởng Môi trường Việt Nam - Hàn Quốc lần thứ 17 và vận động nguồn ODA viện trợ không hoàn lại giai đoạn 2027-2028; phối hợp với KEITI và Cục Biến đổi khí hậu chuẩn bị nội dung cho Thứ trưởng Lê Công Thành làm việc tại Hàn Quốc, tham dự Tuần lễ Chuyên đổi xanh.

Bên cạnh đó, thực hiện thỏa thuận hợp tác khác như: Bản ghi nhớ với Wallonia (Bỉ), Na Uy, Malaysia, Bun-ga-ri, Ai Cập, Palau, Philippines, Indonesia; thực hiện thủ tục xin chủ trương ký Bản ghi nhớ giữa Cục Khí tượng thủy văn và Cơ quan Khí tượng Vương quốc Anh; chuẩn bị thành lập Nhóm công tác chung theo các khuôn khổ hợp tác với Chile, Hàn Quốc và các đối tác khác.

c) Công tác đề xuất, trình duyệt chủ trương đầu tư; thẩm định, phê duyệt và theo dõi các chương trình, dự án sử dụng vốn nước ngoài

Thực hiện các thủ tục thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh đối với 05 dự án/chương trình hợp tác quốc tế, gồm: điều chỉnh Kế hoạch năm 2025 và Văn kiện một số dự án do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ thông qua UNDP, UNEP; điều chỉnh Văn kiện dự án CBIT; phê duyệt Văn kiện dự án “Mùa vụ mới: Sáng kiến nông nghiệp bền vững (Harvesting Potential)” do PepsiCo tài trợ thông qua CARE; phê duyệt Văn kiện dự án “Chiến lược xuất khẩu cà phê bền vững và truy xuất nguồn gốc...” do UNCTAD tài trợ. Đồng thời tiếp tục theo dõi, xử lý các nội dung hoàn thiện hồ sơ theo quy định; phối hợp triển khai dự án Star-Farm, trong đó có nghiên cứu, xây dựng đề xuất Bảo tàng lúa gạo sống tại tỉnh An Giang.

Lãnh đạo Bộ xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư đối với 02 dự án do Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ tài trợ; theo dõi, hướng dẫn, xử lý hồ sơ đối với các dự án

đang xây dựng, thẩm định văn kiện hoặc chuẩn bị chủ trương đầu tư như dự án Kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nông nghiệp, dự án giảm tiêu dùng nhựa sử dụng một lần tại Việt Nam và dự án Phần Lan 4; thẩm định, trình phê duyệt hoặc tham mưu xử lý kế hoạch năm, kế hoạch tổng thể của nhiều dự án như SAFE, iAg4, CORE, APV, Agritrade 2, MEPA, dự án về quản lý rủi ro do mưa cực đoan.

Ngoài ra, xử lý các hồ sơ/chương trình viện trợ, phi dự án sử dụng vốn nước ngoài, gồm: phi dự án trang thiết bị giám sát và quản lý rừng bền vững bằng máy bay không người lái do Nhật Bản viện trợ; phi dự án cung cấp trang thiết bị đào tạo nghề chăn nuôi cho Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc do Nhật Bản tài trợ; dự án viện trợ không hoàn lại của Trung Quốc cho Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; theo dõi các dự án ODA, phi dự án do Nhật Bản tài trợ; phối hợp đóng các dự án KGCM, CRM; trình Thủ tướng Chính phủ về Thỏa thuận viện trợ Dự án động vật hoang dã; đôn đốc, theo dõi dự án hợp tác với Ý về hệ thống thông tin địa lý phục vụ đánh giá rủi ro và giám sát môi trường.

d) Xúc tiến thương mại và mở cửa thị trường

Bộ đã xử lý các nội dung về xúc tiến thương mại và mở cửa thị trường, trong đó tập trung xử lý việc bang Santa Catarina (Brazil) thông báo hạn chế thương mại đối với cá rô phi của Việt Nam; chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu phục vụ đoàn công tác của Thứ trưởng Trần Thanh Nam đi Canada và Mexico thực hiện nhiệm vụ xúc tiến thương mại năm 2026; xây dựng báo cáo đánh giá tác động của xung đột tại khu vực Vùng Vịnh đối với ngành nông nghiệp và môi trường, bao gồm tác động đến hoạt động xuất, nhập khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam với khu vực Vùng Vịnh và thế giới, cũng như ảnh hưởng đối với sản xuất trong nước.

đ) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và góp ý chính sách

Tham gia góp ý và dự họp tham vấn về hồ sơ chính sách dự án Luật Thỏa thuận quốc tế sửa đổi do Bộ Ngoại giao chủ trì; tham mưu góp ý của Bộ đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; đồng thời tham gia góp ý đối với một số dự thảo chính sách, báo cáo chuyên đề và kế hoạch hành động liên quan đến hợp tác quốc tế, hội nhập, môi trường và thương mại bền vững.

e) Hoạt động khác

Về sự kiện APEC 2027, đã xây dựng và trình Bộ ban hành Kế hoạch hợp tác APEC năm 2026 và chuẩn bị cho Năm APEC 2027; chuẩn bị nội dung để Lãnh đạo Bộ tham dự cuộc họp lần thứ hai của Ủy ban Quốc gia về Năm APEC 2027.

Về hợp tác quốc tế và tổ chức quốc tế, triển khai thủ tục xin ý kiến các bộ, ngành về việc VPSA xin rút làm thành viên IPC; triển khai các nhiệm vụ trong khuôn khổ Chương trình NPAP; tham gia thủ tục lựa chọn ứng viên cho vị trí Chủ tịch Ủy ban đàm phán Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa; xử lý các nội dung liên quan tới IUU, EUDR, PSAV, NBCAP Việt Nam, Kết nối Trường học sinh

thái ASEAN, Nhóm công tác Nam - Nam, Nhóm công tác chung với Chile, Hàn Quốc và các đối tác khác.

Về hợp tác song phương, đã chuẩn bị nội dung và chương trình các cuộc làm việc của Lãnh đạo Bộ với Đại sứ Thụy Sĩ, Đại sứ Anh, Đại sứ Việt Nam tại Bỉ và EU; làm việc với Đại sứ quán Algeria, Tham tán nông nghiệp Pháp, Đại sứ quán Ai Cập; tiếp tục trao đổi với Tanzania về kế hoạch tổ chức Kỳ họp Ủy ban hỗn hợp lần thứ hai; nghiên cứu, thúc đẩy hợp tác với Bờ Biển Ngà, Nam Phi, Venezuela; chuẩn bị và triển khai các nội dung hợp tác với Đan Mạch, Phần Lan, Slovakia, Ma-rốc, Nga, Hà Lan.

Về công tác tổng hợp, báo cáo cập nhật hằng tháng về thực hiện Nghị quyết 59-NQ/TW trên hệ thống của Văn phòng Trung ương Đảng; hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Đề án hợp tác Việt Nam - Cuba về sản xuất lúa gạo; đánh giá tình hình triển khai Chương trình nghị sự kinh tế song phương trung hạn Việt Nam - Cuba giai đoạn 2021-2025 và đề xuất nội dung hợp tác giai đoạn 2026-2030; tham mưu xây dựng chiến lược quốc gia xuất khẩu ngành nông nghiệp Việt Nam và một số báo cáo, kế hoạch, đề án chuyên đề khác theo phân công.

6. Công tác tổ chức cán bộ

a) Tham mưu xây dựng thể chế trong lĩnh vực tổ chức cán bộ

- Hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ theo nhiệm kỳ mới của Chính phủ và theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1811/QĐ-TTg ngày 23/8/2025 ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.

- Triển khai xây dựng dự thảo 10 Thông tư theo Chương trình công tác của Bộ và Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ. Đồng thời, triển khai xây dựng các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn trong công tác tổ chức cán bộ.

b) Công tác tổ chức bộ máy, biên chế

- Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 11 Cục trực thuộc Bộ²⁹ nhằm phân định rõ trách nhiệm giữa quản lý nhà nước và đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách. Tham mưu điều chỉnh chức năng phòng, chống dịch bệnh thủy sản giữa Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

- Tổ chức làm việc với các đơn vị liên quan (VPCP, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp); ban hành văn bản xin ý kiến thẩm định³⁰ và hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ kiện toàn tổ chức, hoạt động của Văn phòng SPS Việt Nam.

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hoàn thành sáp nhập Trường CĐ Thủy lợi Bắc Bộ vào Trường CĐ Cơ điện và Thủy lợi (đổi tên thành Trường CĐ Cơ điện

²⁹ Quyết định số 172/QĐ-BNNMT ngày 16/01/2026.

³⁰ Văn bản số 1196/BNNMT-TCCB ngày 04/02/2026.

và Thủy lợi Bắc Bộ)³¹; sáp nhập Trường CĐ Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ vào Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi. Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ cho Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi³² và Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh³³.

- Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/ĐU và Kết luận số 223-KL/ĐU³⁴ về tiếp tục sắp xếp tổ chức hành chính, ĐVSN, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ. Xây dựng báo cáo kết quả 01 năm thực hiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2025 sau sắp xếp bộ máy của Bộ gửi Bộ Nội vụ³⁵.

- Tổng hợp, cập nhật, xây dựng báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện chính quyền địa phương 02; các vấn đề phát sinh mới khi vận hành tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội và chuẩn bị tài liệu liên quan để Lãnh đạo Bộ tham dự các phiên họp do Lãnh đạo Chính phủ trong thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

- Ban hành văn bản chỉ đạo rà soát danh mục VTVL, xây dựng bản mô tả việc làm và đề xuất tỷ lệ công chức tại các tổ chức hành chính trong Bộ triển khai Nghị định số 361/2025/NĐ-CP³⁶.

- Tổng hợp, tham mưu báo cáo Đảng ủy Bộ đề xuất biên chế giai đoạn 2026-2031 theo vị trí việc làm gửi Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ³⁷.

- Bộ xem xét công nhận Ban vận động thành lập Hội Kiến tạo môi trường xanh Việt Nam, Hiệp hội Tôm Việt Nam, Hiệp hội xuất khẩu nông sản Việt Nam - Trung Quốc. Cho ý kiến về việc tổ chức Đại hội nhiệm kỳ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho các Hội: Địa hóa, Kinh tế môi trường, Nước mắm truyền thống, Vườn thú, Tổng hội NN&PTNT, Hiệp hội Mắc ca, Hiệp hội Khoáng nóng, Hiệp hội Chuyên đổi xanh. Tham mưu ý kiến về công chức, viên chức tham gia Ban Chấp hành các Hội (Hội Thủy lợi, Hội Địa chất Thủy văn, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Hội Sinh vật cảnh VN...) theo quy định và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ.

- Tham gia ý kiến đối với 05 Phiếu Thành viên Chính phủ³⁸ và các văn bản góp ý theo đề nghị của các Bộ, ngành. Thành lập Ban Chỉ đạo về dữ liệu³⁹; kiện toàn các Ban quản lý dự án vốn nước ngoài; thành lập Ban Tổ chức Lễ phát động "Ngày hội Người cao tuổi hưởng ứng trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" năm

³¹ Quyết định số 421/QĐ-BGDĐT ngày 25/02/2026.

³² Quyết định số 659/QĐ-BNNMT ngày 25/02/2026.

³³ Quyết định số 673/QĐ-BNNMT ngày 26/02/2026.

³⁴ Kết luận số 223-KL/ĐU ngày 31/12/2025.

³⁵ Văn bản số 1487/BNNMT-TCCB ngày 12/02/2026.

³⁶ Văn bản số 361/BNNMT-TCCB ngày 13/01/2025.

³⁷ Văn bản số 361/BNNMT-TCCB ngày 13/01/2025.

³⁸ Gồm: (1) Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (2) Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ; (3) Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 39/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; (4) Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, đặc khu trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh; (5) Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

³⁹ Quyết định số 200/QĐ-BNNMT ngày 19/01/2026.

2026; cử nhân sự tham gia các tổ chức, hội đồng ngoài Bộ. Xây dựng báo cáo công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo năm 2025 và phương hướng 2026; báo cáo hoạt động Hội năm 2025. Xây dựng báo cáo tổng kết Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc; báo cáo về các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước khi thực hiện Nghị quyết 190/2025/QH15 của Quốc hội ngày 19/2/2025 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; góp ý dự thảo Chỉ thị của Thủ tướng về Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, dự thảo quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư sửa đổi Thông tư số 14/2021/TT-BVHTTDL.

- Chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp Trung ương và Bộ Nội vụ⁴⁰; tập trung rà soát, ban hành và trình ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ở địa phương.

c) Công tác cán bộ, quản lý công chức, viên chức

- Trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ ban hành Quy định số 151-QĐ/ĐU ngày 12/01/2026 về phân cấp quản lý cán bộ thuộc Bộ. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định trong công tác cán bộ: Quy chế phân công, phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ của Bộ; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của Bộ; Quy định về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Ban Thường vụ Đảng ủy, Bộ trưởng báo cáo các cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm 01 Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; tổ chức các Hội nghị giới thiệu nhân sự của Bộ ứng cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Thực hiện công tác tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái, bổ nhiệm đối với công chức, viên chức theo quy định: Tổ chức buổi họp của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ tháng 1, 2 và 3/2026. Bổ nhiệm viên chức quản lý một số đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ sau khi được kiện toàn, sắp xếp theo Quyết định số 1811/QĐ-TTg ngày 23/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ. Tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm 05 cán bộ.

- Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Bộ năm 2025 theo quy định. Đôn đốc, tổng hợp kết quả đánh giá định kỳ hằng quý đối với cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy, Bộ trưởng; hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc đánh giá hằng quý đối với cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

⁴⁰ Tại Quyết định số 185/QĐ-BNV ngày 13/02/2026 và Quyết định số 200/QĐ-BNV ngày 02/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch và sửa đổi Phương án Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026

- Góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định quy định về xử lý kỷ luật viên chức theo yêu cầu.

d) Công tác chính sách, chế độ, tiền lương

- Xây dựng Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW về cải cách chính sách, tiền lương. Xây dựng dự thảo văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ⁴¹. Văn bản hướng dẫn đơn vị triển khai Kế hoạch thi hành Luật Viên chức. Tham gia ý kiến các Phiếu Thành viên Chính phủ, dự thảo Nghị quyết của Chính phủ⁴². Xây dựng báo cáo thực hiện Kế hoạch theo Nghị quyết số 209/NQ-CP của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TW⁴³. Xây dựng báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản liên quan đến lao động, bảo hiểm xã hội, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động⁴⁴.

- Giải quyết/phê duyệt hoặc có văn bản về giải quyết tình giản biên chế (TGBC) theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP đối với: 01 công chức thuộc Cục Viễn thám quốc gia⁴⁵; 01 công chức thuộc Cục Quản lý tài nguyên nước⁴⁶; 64 viên chức⁴⁷; 02 công chức, viên chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ

⁴¹ Đã gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ tại Văn bản số 239/TCCB ngày 02/3/2026, đang tổng hợp các ý kiến góp ý.

⁴² Gồm: (1) Số 15/PLYK/2026 lấy ý kiến Thành viên Chính phủ về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. (2) Góp ý phiếu Thành viên Chính phủ Ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp; (3) Ý kiến về dự thảo NQ của CP về tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 cho người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội và đối tượng yếu thế khác. (4) Tham mưu ý kiến Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 204/2004/NĐ-CP. (5) Tham gia ý kiến phiếu Thành viên Chính phủ về xin rút nhiệm vụ “Nghiên cứu, xây dựng khung chính sách tổng thể về dân số, bảo đảm tỉ suất sinh thay thế phù hợp với vùng, miền, đối tượng dân cư và số lượng, chất lượng dân số; (6) Số 15/PLYK/2026 lấy ý kiến Thành viên Chính phủ về: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; (7) Tham gia PTVCP về việc xét, công nhận liệt sĩ và cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với 49 trường hợp hy sinh trong kháng chiến của lực lượng biệt động quân khu Sài Gòn Gia định; (8) Phiếu thành viên Chính phủ số 167 Nghị định của Chính phủ quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung; (9) PTVCP số 133 về báo cáo kết quả thực hiện quyền trẻ em năm 2025; (10) Phiếu TVCP Ý kiến đối với đề xuất bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng vào Chương trình lập pháp năm 2026 của Quốc hội; (11) Phiếu TVCP ý kiến đối với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHXH số 41/2024/QH15 (lần 2).

⁴³ Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới.

⁴⁴ Văn bản số 41/TCCB ngày 14/01/2026 báo cáo gửi Vụ Pháp chế.

⁴⁵ Văn bản số 10960/BNNMT-TCCB ngày 29/12/2025.

⁴⁶ Văn bản số 11037/BNNMT-TCCB ngày 30/12/2025.

⁴⁷ Gồm: 19 viên chức của Trường CĐ Cơ điện Hà Nội và 02 viên chức Trung tâm Khuyến nông QG; 01 viên chức của Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc; 05 viên chức Trường CĐ Công nghệ, Kinh tế và Chế biến lâm sản; 01 viên chức Trường CĐ Nông nghiệp và PTNT Bắc Bộ; 01 viên chức Trường CĐ Cơ điện và Thủy lợi; 01 viên chức Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi; 01 viên chức Trường Cao đẳng Cơ giới; 06 Viên chức Trường Việt Xô; 01 viên chức Trung tâm QH điều tra nước quốc gia; 04 viên chức Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; 01 Viên chức Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc; 01 viên chức Trường Cao đẳng Cơ khí Nông nghiệp; văn bản giải quyết nghỉ TGBC đối với 02 viên chức lãnh đạo quản lý (Phó Giám đốc) của 02 Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 và 7; 08 viên chức thuộc Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ tại Văn bản số 21/BNNMT-TCCB ngày 05/01/2026; 03 viên chức của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 tại Văn bản số 392/BNNMT-TCCB ngày 14/01/2026; 04 viên chức của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7 tại Văn bản

thực vật⁴⁸. Thẩm định về dự toán và nguồn kinh phí TGBC đối với 01 viên chức của Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT. Lấy ý kiến về nguồn và số lượng kinh phí nghỉ tinh giản biên chế đối với 02 viên chức của Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp⁴⁹. Phê duyệt thực hiện tinh giản biên chế năm 2026 của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

- Bộ xem xét quyết định: (1) Bỏ nhiệm và xếp lương vào chức danh Giảng viên cao cấp đối với 01 viên chức lãnh đạo của Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang do có chức danh Phó giáo sư; (2) Bỏ nhiệm và xếp lương vào chức danh Giảng viên cao cấp đối với 01 viên chức của Trường Đại học Lâm nghiệp do có chức danh Phó Giáo sư; (3) Bỏ nhiệm ngạch GVCC đối với 03 viên chức của Trường Đại học Tài nguyên môi trường Hà Nội và Trường Đại học Tài nguyên môi trường TP HCM. Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

- Phân bổ chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức Khối cơ quan Bộ. Xây dựng văn bản về thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ đối với lãnh đạo quản lý sau khi sáp nhập (Trường Cao đẳng cơ điện Thủy lợi Bắc Bộ, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi). Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn; nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo, đối với công chức, viên chức⁵⁰.

số 424/BNNMT-TCCB ngày 13/01/2026; 02 viên chức thuộc Trung tâm QH và Điều tra TN nước Quốc gia; 02 viên chức lãnh đạo quản lý (Phó Giám đốc) của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 (Quyết định số 828/QĐ-BNNMT ngày 12/3/2026) và Ban Thủy lợi 7 (Quyết định số 795/QĐ-BNNMT ngày 10/3/2026); 02 viên chức của Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp (Văn bản số 1791/BNNMT-TCCB ngày 27/02/2026).

⁴⁸ Phiếu trình số 166/TCCB ngày 28/01/2026 và dự thảo Văn bản kèm theo Phiếu trình.

⁴⁹ Văn bản số 191/TCCB ngày 11/02/2026.

⁵⁰ Gồm: (1) Nâng bậc lương trước thời hạn đối với: (i) 03 công chức Lãnh đạo quản lý của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; (ii) 05 viên chức Lãnh đạo quản lý của Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường; (iii) công chức, viên chức lãnh đạo thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam; (2) Nâng bậc lương trước thời hạn do có thông báo nghỉ hưu đối với 01 công chức Lãnh đạo của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; (3) Nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức và viên chức lãnh đạo thuộc Cục Quản lý đất đai, Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo. Thực hiện nâng lương thường xuyên đối với: 04 người là lãnh đạo, công chức thuộc Vụ Khoa học và Công nghệ và 04 lãnh đạo, công chức thuộc Vụ Kế hoạch-Tài chính; (4) Nâng bậc lương trước thời hạn đối với 01 viên chức là Phó Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam; (5) Nâng bậc lương thường xuyên, vượt khung, trước thời hạn đối với công chức, viên chức lãnh đạo quản lý của các đơn vị: Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn và Trường Cao đẳng Cơ điện-Xây dựng và Nông lâm Trung Bộ; Trường Cao đẳng cơ điện xây dựng và Nông lâm Trung Bộ; Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội, Trung tâm Khuyến nông quốc gia; Trường Cao đẳng Cơ khí Nông nghiệp, Trường CĐ Cơ giới, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; (6) Nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên nghề kiểm lâm đối với 02 công chức lãnh đạo của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; (7) Nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo cho 03 viên chức lãnh đạo của Trường Đại học Lâm nghiệp; (8) Nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo đối với 06 viên chức trường Đại học TNMT Hà Nội và Trường Đại học TNMT Tp.HCM; (9) Quyết định nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo đối với Trường Cao đẳng Kinh tế, kỹ thuật và Thủy sản, Trường Cao đẳng thủy sản và Công nghệ thực phẩm; (10) Trình Bộ nâng bậc lương thường xuyên, vượt khung, trước thời hạn đối với công chức, viên chức lãnh đạo quản lý: Báo Nông nghiệp Việt Nam, Trung tâm QH và Điều tra TN nước Quốc gia, Trường Cao đẳng Cơ điện và Thủy lợi Bắc Bộ, Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1; 03 quyết định bổ nhiệm ngạch GVCC của Trường ĐH TNMT Hà Nội và Trường ĐH TNMT TP HCM; nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức lãnh đạo, viên chức quản lý thuộc Cục Quản lý đất đai, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên đất quốc gia, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản,...Thực hiện chế độ tiền lương đối với doanh nghiệp. Xây dựng văn bản gửi các Trường trực thuộc Bộ báo cáo việc thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

- Bộ ban hành: Thông báo nghỉ hưu đối với 01 Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính⁵¹; 03 quyết định nghỉ phép ra nước ngoài về việc riêng đối với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ⁵².

- Bộ ban hành quyết định nghỉ phép ra nước ngoài về việc riêng đối với 03 lãnh đạo đơn vị trực thuộc Bộ⁵³; trình thủ tục cho Đảng viên ra nước ngoài về việc riêng đối với 02 công chức lãnh đạo Cục Quản lý đất đai.

- Tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Bộ theo quy định tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Báo cáo triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2025 gửi Bộ Nội vụ; tham mưu trả lời Cổng thông tin điện tử Chính phủ đối với đơn của bà Nguyễn Thị Hà, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai về Thi chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Bảo vệ thực vật. Tổ chức gặp mặt, chúc Tết các đồng chí nguyên Lãnh đạo Bộ, Lão thành cách mạng, Anh hùng Lao động nghỉ hưu tại Tp Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh. Xây dựng dự thảo nội dung báo cáo về công tác an sinh xã hội, chăm lo Tết cho các đối tượng chính sách, công chức, viên chức, người lao động trong dịp Tết trong dự thảo Báo cáo của Bộ về tình hình tổ chức Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026; xây dựng báo cáo gửi Bộ Nội vụ về đánh giá tác động thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/9/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn⁵⁴; tham gia ý kiến các văn bản do Bộ, ngành gửi đến⁵⁵.

đ) Công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Bộ xem xét ban hành văn bản triển khai thực hiện Thông báo số 475-TB/VPTW ngày 31/12/2025 về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại buổi gặp mặt học sinh, sinh viên, thanh niên dân tộc thiểu số xuất sắc, tiêu biểu năm 2025⁵⁶;

⁵¹ Bà Phạm Thanh Huyền

⁵² Gồm: Ông Nguyễn Minh Tiến- Giám đốc Trung tâm Xúc tiến thương mại Nông nghiệp; ông Phan Tuấn Hùng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, ông Tống Anh Tuấn, Vụ Tổ chức cán bộ.

⁵³ Đ/c Phó Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Trình Bộ ban hành 02 Quyết định xin nghỉ phép ra nước ngoài về việc riêng cho lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ;

⁵⁴ Văn bản số 107/TCCB ngày 26/01/2026 của Vụ gửi các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ báo cáo và Báo cáo số 1449/BC-BNNMT ngày 11/02/2026 gửi Bộ Nội vụ.

⁵⁵ Gồm: Dự thảo quyết định kiện toàn Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam gửi Bộ Y tế và dự thảo Nghị định về chế độ chính sách đặc thù đối với Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam và Chương trình công tác năm 2026 của Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam; Tham gia ý kiến: Dự thảo Nghị định thay thế nghị định quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng do Bộ Nội vụ chủ trì; dự thảo Thông tư Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu (văn bản số 2335/BNNMT-TCCB ngày 13/3/2026 gửi Bộ Nội vụ về góp ý); Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành KH tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm ngày TB, LS (27/7/2047-27/7/2027); dự thảo Chương trình công tác năm 2026 của UBQG về người cao tuổi Việt Nam; dự thảo Tờ trình, Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về rà soát các nhiệm vụ, đề án liên quan đến công tác chăm sóc người cao tuổi đến năm 2030 tầm nhìn 2045; gửi Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi về Định mức kinh tế - kỹ thuật công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà (văn bản số 256/TCCB ngày 05/03/2026 về góp ý định mức kinh tế - kỹ thuật); dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Thông tư số 02/2024/TT- BLĐTĐBXH ngày 23/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTĐBXH.

⁵⁶ Công văn số 1057/BNNMT-TCCB ngày 30/01/2026.

phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ngăn chặn, đẩy lùi bạo lực học đường⁵⁷; tổ chức thực hiện Thông tư quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo⁵⁸. Bộ ban hành hướng dẫn triển khai các quy định pháp luật mới về giáo dục và đào tạo⁵⁹. Tổ chức rà soát, xây dựng Báo cáo thực trạng phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025 và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, các ngành nghề mới, kỹ năng mới, kỹ năng tương lai⁶⁰.

- Xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành nông nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Tham gia ý kiến 10 Phiếu thành viên Chính phủ về các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức⁶¹.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 2776/QĐ-TTg ngày 24/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045*"⁶².

- Bộ xem xét phê duyệt Kế hoạch của Bộ thực hiện Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025-2035 và định hướng tới năm 2045⁶³.

- Bộ xem xét ban hành báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ⁶⁴; báo cáo tình hình triển

⁵⁷ Công văn số 1321/BNNMT-TCCB ngày 09/02/2026.

⁵⁸ Công văn số 1343/BNNMT-TCCB ngày 09/02/2026.

⁵⁹ Công văn số 2180/BNNMT-TCCB ngày 11/03/2026.

⁶⁰ Công văn số 2110/BNNMT-TCCB ngày 09/03/2026.

⁶¹ Phiếu 31/PLYK ngày 16/01/2026 về Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; Phiếu số 21/PLYK ngày 09/01/2026 Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe; Phiếu số 1189/PLYK ngày 30/12/2025 về dự thảo Nghị quyết của Chính phủ thí điểm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 15 và điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với lực lượng vũ trang; Phiếu số 1165/PLYK ngày 26/12/2025 về Dự thảo Nghị định quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; Phiếu số 1158/PLYK ngày 24/12/2025 về Hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo. Phiếu số 56/PLYK ngày 28/01/2026 về Dự thảo Nghị định quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo và hồ sơ kèm theo Tờ trình số 2531/TTr-BGDĐT ngày 31/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Phiếu số 66/PLYK ngày 28/01/2026 về Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về thí điểm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 15 và điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với lực lượng vũ trang; Phiếu số 100/PLYK ngày 06/02/2026 về Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo. Phiếu số 104/PLYK1 ngày 25/02/2026 về dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15; Phiếu số 127/PLYK về Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

⁶² Công văn số 33/TCCB ngày 13/01/2026.

⁶³ Quyết định số 5755/QĐ-BNNMT ngày 29/12/2025.

⁶⁴ Công văn số 10692/BNNMT-TCCB ngày 23/12/2025.

khai Chương trình “*Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050*”⁶⁵.

- Cử 15 lượt công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ tham gia 01 lớp Cao cấp lý luận chính trị K76 – hệ không tập trung (khóa học 2025-2027) do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức; đồng thời, hướng dẫn các đơn vị hoàn thiện hồ sơ, thực hiện đầy đủ thủ tục nhập học và tham dự lễ khai giảng theo quy định⁶⁶; cử 01 công chức tham gia khoá bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 1 năm 2026⁶⁷; hoàn thiện thủ tục cho 02 công chức nhập học lớp Trung cấp lý luận chính trị tại Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong⁶⁸.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2026 của Bộ, tổ chức trong ngày 23/12/2025⁶⁹ tại Vườn quốc gia Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ thẩm định ban hành Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù cho công chức cấp xã về lĩnh vực nông nghiệp⁷⁰; Chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm chuyên viên về môi trường⁷¹; Chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm chuyên viên quản lý tổng hợp về biển đảo⁷².

- Đề xuất phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2026; các nội dung về kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo đúng quy định⁷³.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện các nội dung về giáo dục và đào tạo trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035⁷⁴.

- Tham gia ý kiến đối với: Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 249/2025/QH15 của Quốc hội⁷⁵; nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục⁷⁶; đề nghị xây dựng Đề mục Nhà giáo⁷⁷; Nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp⁷⁸; dự thảo Luật, Nghị định, Kế hoạch, báo cáo, chủ trương đầu tư có liên quan⁷⁹; Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà

⁶⁵ Công văn số 10566/BNNMT-TCCB ngày 19/12/2025.

⁶⁶ Công văn số 48/TCCB ngày 14/01/2026.

⁶⁷ Công văn số 441/BNNMT-TCCB ngày 14/01/2026.

⁶⁸ Công văn số 1857/TCCB ngày 24/12/2025.

⁶⁹ Công văn số 1834/GM-TCCB ngày 19/12/2025.

⁷⁰ Quyết định số 5089/QĐ-BNNMT ngày 29/12/2025.

⁷¹ Quyết định số 5167/QĐ-BNNMT ngày 29/12/2025.

⁷² Quyết định số 5283/QĐ-BNNMT ngày 16/12/2025.

⁷³ Công văn số 1884/TCCB ngày 29/12/2025.

⁷⁴ Công văn số 1054/BNNMT-TCCB ngày 30/01/2026.

⁷⁵ Công văn số 701/BNNMT-TCCB ngày 21/01/2026.

⁷⁶ Công văn số 1055/BNNMT-TCCB ngày 30/01/2026.

⁷⁷ Công văn số 1152/BNNMT-TCCB ngày 03/02/2026.

⁷⁸ Công văn số 1436/BNNMT-TCCB ngày 11/02/2026.

⁷⁹ Kế hoạch triển khai Nghị quyết 57/NQ-TW của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2026; Dự thảo Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 tại công văn số 414/BNNMT-TCCB

nước, nghiên cứu - phát triển, ứng dụng và hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử⁸⁰; Dự thảo Nghị định quy định về giảng viên đồng cơ hữu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học⁸¹.

e) Công tác thi đua, khen thưởng

- Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Toàn ngành Nông nghiệp và Môi trường chung sức, đồng hành quản lý, sử dụng tài nguyên bền vững và xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, môi trường trong lành” giai đoạn 2026-2030⁸².

- Hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền khen thưởng: Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại, Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... sau khi có kết luận của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ.

- Bộ trưởng xem xét khen thưởng Bằng khen Bộ trưởng thường xuyên, Tập thể Lao động xuất sắc khối trường, Bằng khen chuyên đề, Bằng khen đột xuất, Chiến sĩ thi đua Bộ, Cờ thi đua Bộ.

- Tổng kết các khối thi đua do Bộ thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định.

- Phê duyệt dự toán thực hiện quỹ thi đua khen thưởng Bộ.

g) Công tác cải cách hành chính

- Triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC của Bộ năm 2026 và Kế hoạch giai đoạn 2026-2030.

- Thực hiện Kế hoạch số 18-KH/ĐU ngày 23/12/2025 của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 53-CT/TW⁸³ của Bộ Chính trị, Bộ đã xây dựng, hoàn thiện đề ban hành Chỉ số đánh giá CCHC tác các đơn vị trực thuộc Bộ, đồng thời triển khai xây dựng phần mềm đánh giá chấm điểm CCHC đối với các đơn vị thuộc Bộ để đảm bảo việc triển khai đánh giá chấm điểm các đơn vị được thuận lợi, công khai, minh bạch và thực hiện công bố kết quả trong quý II/2026.

ngày 14/01/2026; Công văn số 30/TCCB ngày 14/01/2026 đối với chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng cơ sở vật chất trường ĐHTNMT tp Hồ Chí Minh giai đoạn 2; Công văn số 10812/BNNMT-TCCB ngày 24/12/2025 góp ý đối với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp; Công văn số 10743/BNNMT-TCCB ngày 23/12/2025 Góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Giáo dục đại học (thay thế Nghị định số 99/2019/NĐ-CP); Công văn số 10690/BNNMT-TCCB ngày 23/12/2025 Tham gia ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15; Công văn số 10693/BNNMT-TCCB ngày 23/12/2025 Góp ý đối với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; Công văn số 10694/BNNMT-TCCB ngày 23/12/2025 góp ý về thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026; Công văn số 10583/BNNMT ngày 19/12/2025 góp ý đối với dự thảo Đề án Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá thu hút, sử dụng chuyên gia, giảng viên, nhà khoa học nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài vào nghiên cứu khoa học và làm việc tại các cơ sở giáo dục Việt Nam.

⁸⁰ Công văn số 1710/BNNMT-TCCB ngày 26/02/2026.

⁸¹ Công văn số 1679/BNNMT-TCCB ngày 25/02/2026.

⁸² Quyết định số 156/QĐ-BNMT ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Toàn ngành Nông nghiệp và Môi trường chung sức, đồng hành quản lý, sử dụng tài nguyên bền vững và xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, môi trường trong lành” giai đoạn 2026-2030.

⁸³ Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 26/10/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ.

- Tổ chức triển khai xác định chỉ số CCHC của Bộ và các đơn vị trực thuộc Bộ đảm bảo chất lượng, tiến độ theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nội vụ. Bộ đã hoàn thiện nội dung điều tra xã hội học và phân tự chấm điểm và gửi Bộ Nội vụ theo đúng thời hạn. Đồng thời, xây dựng các giải pháp, tổ chức triển khai thực hiện để hoàn thiện, nâng cao chỉ số CCHC của Bộ trong các năm tiếp theo.

- Tiếp nhận, phân loại và đôn đốc tổng hợp việc trả lời các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về các vướng mắc khó khăn trong thực hiện cơ chế, chính sách, TTHC liên quan đến phạm vi quản lý của Bộ.

- Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2026 theo quy định; tiếp tục tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bộ đã ban hành; thực hiện đánh giá tác động và thẩm định tại dự thảo văn bản QPPL đảm bảo các TTHC được ban hành đáp ứng yêu cầu và sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ TTHC thấp nhất.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành; hoàn thiện vận hành Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử theo hướng dựa trên dữ liệu số hành chính, bước đầu ứng dụng, sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc. Tích cực triển khai số hóa các dữ liệu ngành Nông nghiệp và Môi trường, tạo lập nền tảng tài nguyên số, hướng tới phát triển nền kinh tế số của Ngành.

- Triển khai tích hợp dữ liệu về TTHC, DVC trực tuyến của Bộ, Ngành theo thời gian thực lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng dịch vụ công quốc gia để đảm bảo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC trực tuyến của Bộ, Ngành đầy đủ, chính xác và toàn diện; triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ.

- Kiểm tra công tác CCHC theo quy định.

h) Công tác khác

- Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, xây dựng báo cáo tình hình, kết quả chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và tổ chức làm việc với Đoàn kiểm tra công tác bảo vệ BMNN, Bộ Công an⁸⁴; ban hành Kế hoạch thực hiện ngay sau khi có Kết luận của Đoàn kiểm tra và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền⁸⁵.

- Ban hành phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Kết luận số 228-KL/TW ngày 31/12/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp⁸⁶; Báo cáo tổng kết

⁸⁴ Theo Quyết định số 9475/QĐ-X05 ngày 26/11/2025 của Bộ Công an về việc kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và chỉ đạo của Bộ.

⁸⁵ Kế hoạch số 247/TCCB ngày 3/3/2026 của Vụ Tổ chức cán bộ.

⁸⁶ Công văn số 267-CV/ĐU ngày 07/01/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ, chương trình công tác của Vụ năm 2026; báo cáo kết quả công tác kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách hành chính năm 2025, giai đoạn 2020-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2026⁸⁷.

- Hướng dẫn và triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, phân công tiếp nhận các bản kê khai tài sản, thu nhập; tổ chức xác minh tài sản, thu nhập theo phân công của Bộ; đề xuất kế hoạch kiểm tra công tác tổ chức cán bộ năm 2026⁸⁸. Triển khai xây dựng Kế hoạch của Bộ về việc xác minh tài sản, thu nhập năm 2026. Rà soát, tiếp nhận các bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 của công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ.

- Triển khai thực hiện Phương án điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026: Bộ trưởng đã ban hành Quyết định thành lập Tổ Công tác điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp của Bộ⁸⁹; Văn bản gửi các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ về chuẩn bị triển khai điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026⁹⁰; gửi Bộ Nội vụ Bảng kê cơ sở hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ⁹¹; trình Bộ về đề xuất cử/tuyển chọn 01 Giám sát viên của Bộ và có Văn bản gửi các cơ quan, đơn vị để tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Phương án điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp của Bộ theo yêu cầu của Bộ Nội vụ, Ban Chỉ đạo Trung ương⁹².

- Tham gia ý kiến dự thảo Chương trình hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP⁹³; tham gia ý kiến dự thảo Báo cáo phục vụ Hội nghị Tổng kết năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Ngành⁹⁴; tham gia ý kiến Niên giám thống kê Ngành⁹⁵.

- Tham gia ý kiến xây dựng Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2026 của Bộ⁹⁶; dự thảo Chương trình hành động của Đảng ủy Bộ triển khai Nghị quyết 79-NQ/TW ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị⁹⁷.

⁸⁷ Báo cáo số 1722/TCCB ngày 05/12/2025.

⁸⁸ Văn bản số 1825/TCCB ngày 18/12/2025 của Vụ.

⁸⁹ Quyết định số 486/QĐ-BNNMT ngày 06/02/2026 của Bộ trưởng về việc thành lập Tổ Công tác điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp của Bộ.

⁹⁰ Văn bản số 1948/BNNMT-TCCB ngày 5/3/2026 về việc chuẩn bị triển khai điều tra cơ sở HDSN năm 2026.

⁹¹ Phiếu trình số 418/TCCB ngày 13/3/2026.

⁹² Phiếu trình số 436/TCCB ngày 17/3/2026.

⁹³ Văn bản số 18/TCCB ngày 06/01/2026 của Vụ TCCB.

⁹⁴ Văn bản số 1880/TCCB ngày 26/12/2025 của Vụ TCCB.

⁹⁵ Văn bản số 1863/TCCB ngày 24/12/2025 của Vụ TCCB.

⁹⁶ Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 466/QĐ-BNNMT ngày 04/02/2026 kèm Kế hoạch.

⁹⁷ Văn bản số 178/TCCB ngày 09/02/2026 của Vụ TCCB.

PHỤ LỤC II:
DANH MỤC VBQPPL ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH TRONG NĂM 2026
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

I. Văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản

2. Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước

3. Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y

4. Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật

5. Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

6. Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ

7. Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi

8. Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản

9. Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm

10. Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

11. Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo

12. Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025

13. Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai

14. Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

15. Nghị định số 112/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các bon.

16. Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn được sửa đổi bổ sung bởi NĐ số 48/2020/NĐ-CP, nghị định 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.

II. Văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng

1. Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn

2. Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản, tàu công vụ thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

3. Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản

4. Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản

5. Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản

6. Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước

7. Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật

8. Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi

9. Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025

10. Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai

11. Thông tư số 11/2026/TT-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định quản lý, vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon

12. Thông tư số 12/2026/TT-BNNMT ngày 24/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Danh mục loài cây trồng chính

13. Thông tư số 13/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chương trình đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng

14. Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

15. Thông tư số 15/2026/TT-BNNMT ngày 03/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về quản lý thuốc thú y

16. Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT ngày 09/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

17. Thông tư số 17/2026/TT-BNNMT ngày 10/3/2026 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về đánh giá rủi ro, cấp phép thủy sản sống nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực thủy sản

PHỤ LỤC III:
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐỐI VỚI CÁC LĨNH VỰC
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRIỂN KHAI TRONG QUÝ II NĂM 2026

1. Về sản xuất nông nghiệp

1.1. Về sản xuất nông lâm thủy sản

*** Trồng trọt:**

- Chỉ đạo thời vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản kịp thời, đúng lịch; phòng chống đói, rét, dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi ngay từ vụ Đông Xuân.

- Đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán; không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá. Kiểm tra, kiểm soát thị trường nội địa, nhất là vệ sinh an toàn thực phẩm tại các chợ đầu mối nông sản, cơ sở kinh doanh thực phẩm, rau, quả phục vụ Tết.

- Theo dõi sát diễn biến thời tiết; điều chỉnh thời vụ, không gieo trồng trong thời gian xảy ra rét đậm, rét hại. Thực hiện che phủ nilon, rơm rạ cho mạ, rau màu; giữ mực nước hợp lý trên ruộng lúa để giữ ẩm. Hạn chế bón phân đạm, không chăm sóc cây trồng khi nhiệt độ xuống thấp; sau rét tổ chức kiểm tra, phục hồi sản xuất kịp thời.

*** Chăn nuôi:**

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL: Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chăn nuôi và Luật Thú y; hoàn thiện hồ sơ và trình Chính phủ phê duyệt Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về Chăn nuôi và Thú y; Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; quy trình xử lý TTHC trong lĩnh vực quản lý thuốc thú y theo TCVN ISO 9001:2015.

- Tăng cường chỉ đạo địa phương, người chăn nuôi phòng, chống đói rét vụ Đông Xuân 2025-2026. Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác quản lý, kiểm soát tình hình lưu thông vận chuyển sản phẩm chăn nuôi trên thị trường, kiểm soát sản phẩm chăn nuôi xuất, nhập khẩu; tăng cường theo dõi sát diễn biến về nguồn cung, giá nguyên liệu TACN trong nước và trên thế giới, có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

- Tháng 02 là thời điểm giao mùa và nhu cầu vận chuyển, tiêu thụ động vật tăng cao để phục vụ các dịp Lễ hội trước và trong dịp Tết Nguyên Đán, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, hướng dẫn kỹ thuật, tăng cường giám sát tại thực địa, tiếp tục theo dõi, cập nhật báo cáo tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm trên cả nước, nhất là các bệnh nguy hiểm như Cúm gia cầm, Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi, Viêm da nổi cục, Tai xanh, Đại, PPR,....

*** Thủy sản:**

- Tiếp tục thúc đẩy công tác xây dựng văn bản QPPL, xây dựng Chương trình, Đề án: Hoàn thiện, trình ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản thay thế Nghị định số 67/2014/MĐ-CP; hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị

định thay thế Nghị định 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản; tổng hợp, tiếp thu ý kiến, hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng ban hành Quyết định phê duyệt xây dựng Đề án phát triển NTTS trên hồ chứa giai đoạn 2025 - 2030.

- Tăng cường chỉ đạo nuôi trồng thủy sản, đảm bảo kế hoạch tăng trưởng năm 2026; tháo gỡ khó khăn và đảm bảo nguồn cung giống cá tra phục vụ sản xuất, xuất khẩu; hướng dẫn sản xuất, cung ứng giống thủy sản, thức ăn thủy sản năm 2026.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến về thời tiết và thị trường để tham mưu các văn bản chỉ đạo sản xuất đảm bảo kế hoạch công tác đã đề ra; xây dựng Kế hoạch Quan trắc, cảnh báo môi trường trong NTTS giai đoạn 2026-2030.

- Tổ chức các Đoàn hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về thủy sản tại các địa phương; các Đoàn kiểm tra công tác chống khai thác IUU, thực hiện khắc phục các khuyến nghị của EC tại các địa phương; tiếp tục hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của địa phương, doanh nghiệp trong việc tổ chức thực hiện Thông tư 74/2025/TT-BNNMT ngày 26/12/2025; tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến dự thảo điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

*** Lâm nghiệp:**

- Tiếp tục tham mưu triển khai hiệu quả Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, các Nghị định của Chính phủ mới ban hành liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp; Tổ chức triển khai Chiến lược phát triển lâm nghiệp, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, các chương trình, đề án trọng điểm lĩnh vực lâm nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc triển khai Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác thông tin, truyền thông, phổ biến, hướng dẫn các văn bản, quy định trong lĩnh vực Lâm nghiệp; thực hiện công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển ngành lâm nghiệp.

2. Thúc đẩy tiêu thụ, mở cửa và phát triển thị trường nông sản

- Theo dõi, nắm bắt tình hình giá cả, nguồn cung các mặt hàng lương thực thực phẩm thiết yếu, báo cáo Tổ điều hành Thị trường trong nước và Ban Chỉ đạo giá của Chính phủ; đảm bảo nguồn cung phục vụ nhu cầu trong nước và cân đối cung cầu phục vụ các Lễ hội đầu Xuân. Phối hợp với các địa phương hỗ trợ kết nối, thúc đẩy chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản vào vụ thu hoạch.

- Tiếp tục xử lý các vấn đề thị trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu nông, lâm, thủy sản: Trung Quốc (các vấn đề về MSVT và CSDG, dự thảo Nghị định thư mít, trái sầu riêng, tổ yến, bột cá, cám gạo, cá sấu, khi...); Hàn Quốc (cơ sở xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật), Hoa Kỳ (quả chanh leo tươi),

Nhật Bản (thanh long ruột đỏ, quả bưởi).

3. Thủy lợi, phòng chống thiên tai

Triển khai các giải pháp bảo đảm nguồn nước phục vụ gieo cấy vụ Đông Xuân 2025-2026 ở khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ; phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, phục vụ sản xuất và dân sinh; tăng cường kiểm tra, chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi, hồ chứa, phòng, chống thiên tai. Xây dựng các kịch bản sẵn sàng ứng phó kịp thời khi có dịch bệnh, thiên tai xảy ra để bảo đảm ổn định đời sống, khôi phục sản xuất.

4. Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm

- Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật: (1) Tiếp tục phối hợp với Bộ Y tế hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 15/2018/NĐ-CP, dự thảo Nghị quyết về công bố sản phẩm; góp ý hồ sơ Dự án Luật ATTP sửa đổi; (2) ban hành Kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, gia tăng chế biến và PTTT nông lâm thủy sản năm 2026; (3) Hoàn thiện, phê duyệt Kết quả thực hiện dự án Điều tra thực trạng chế biến nông sản theo quy mô (đặc biệt quy mô vừa, nhỏ và hợp tác xã) gắn với sản xuất nguyên liệu và nhu cầu thị trường.

- Tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương triển khai các quy định về phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý chất lượng, ATTP theo Nghị định 136/2025/NĐ-CP và Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT.

- Hướng dẫn kiểm tra chứng nhận thủy sản xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 80/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 quy định về thẩm định, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu.

- Tổ chức phổ biến pháp luật, thông tin quản lý chất lượng, đảm bảo ATTP, truyền thông quảng bá sản xuất, kinh doanh NLTS đảm bảo chất lượng, an toàn; phổ biến thông tin, quy định thị trường và thị hiếu tiêu dùng tới doanh nghiệp và người sản xuất; chủ động theo dõi, cập nhật thông tin tình hình liên quan thị trường gạo (sản xuất, sản lượng, giá, tiêu thụ,...) trong nước và quốc tế.

5. Về tài nguyên và môi trường

- Tổ chức Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 394/NQ-CP ngày 03/12/2025 của Chính phủ về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt vì một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp. Phối hợp với các bộ ngành và địa phương tập trung tăng cường công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại các đô thị, đặc biệt trong các dịp Lễ, Tết, góp phần nâng cao ý thức cộng đồng và từng bước hình thành nếp sống văn minh, thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực tài nguyên (đất, nước, khoáng sản, biển, rừng...) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh nguồn nước, giảm thiểu tác động tiêu cực của hạn hán, xâm nhập mặn, sa mạc hóa; phát triển kinh tế biển gắn với nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản để làm chủ biển khơi, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tài nguyên biển.

6. Đầu tư xây dựng cơ bản

- Để triển khai Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2026, Bộ đã có Quyết định số 5819/QĐ-BNNMT ngày 30/12/2025 để phân bổ 100% kế hoạch đầu tư công năm 2026 được giao là 6.699.528 triệu đồng, trong đó vốn trong nước là 5.555.796 triệu đồng và vốn nước ngoài là 1.143.732 triệu đồng. Các chủ đầu tư tập trung tranh thủ thời điểm mùa khô đầu năm để triển khai thi công các dự án theo tiến độ kế hoạch vốn đã phân bổ để đạt hiệu quả cao và đảm bảo tiến độ.

- Sau khi rà soát kết quả thực hiện, kế hoạch đầu tư công của Bộ, đối với các dự án như hiện tại thì với số vốn kế hoạch năm 2026 được giao như hiện tại không đáp ứng được tiến độ các dự án theo quyết định phê duyệt dẫn đến nhiều dự án phải kéo dài thời gian bố trí vốn so với quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật đầu tư công. Nếu không được bổ sung thêm vốn kế hoạch 2026 nhiều dự án dở dang của Bộ sẽ phải tạm dừng, giãn tiến độ, nguy cơ lãng phí. Vì vậy, Bộ đã có văn bản 533/BNNMT-KHTC ngày 16/01/2026 gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị bổ sung kế hoạch ĐTC vốn NSTW năm 2026 và tiếp tục làm việc, phối hợp với Bộ Tài chính để rà soát, tổng hợp bổ sung số vốn nêu trên để bộ sớm có nguồn vốn bổ sung.

- Đơn đốc chủ đầu tư được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án tập trung hoàn thiện sớm hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư và báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án mở mới trung hạn 2026-2030 để trình Bộ phê duyệt theo thẩm quyền.